

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MÙƠI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/DS-ST.

Ngày: 13/6/2018.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MÙƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Thanh.

Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang, Thư ký Tòa án Huyện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên

Tòa: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/4 - và 08-13/6/2018 tại Trụ sở Tòa án huyện Tháp Mười mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 689/2016/TLST-DS, ngày 28 tháng 11 năm 2016, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 34/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2018; Thông báo mở lại phiên Tòa số 47/2018/TB-TA, ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1954;

Địa chỉ: 265, HV, Khu phố 1, p 3, thị KT, tỉnh Long An

(Ông Nguyễn Hoàng T ủy quyền cho ông Phan Văn C theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2016).

Bị đơn: Võ Thị Thu H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: K 3, thị trấn MA, huyện TM, Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Hoàng T (ủy quyền cho ông Phan Văn C) trình bày: Vào ngày

16/10/2014, bà Nguyễn Thị Thu H có mượn của ông T số tiền 84.065.000 đồng (có biên nhận do bà H ký tên), bà H mượn tiền để giải quyết việc riêng của gia đình, bà H hẹn đến ngày 28/10/2014 trả lại cho tôi số tiền trên. Khi bà H mượn tiền có sự chứng kiến của ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị C, địa chỉ ấp 5, xã T T, huyện T T, tỉnh Long An, nhưng đến nay bà H thực hiện không đúng lời hứa, ông T đã đến đòi nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả số tiền 84.065.000 đồng. Biên nhận ngày 16/10/2016 nội dung là do ông T viết còn chữ ký tên và viết họ tên mượn nhận là do bà Võ Thị Thu H ký tên và viết họ tên.

Nay ông T yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Thu H trả số tiền mượn của tôi là 84.065.000 đồng và tiền lãi là 20.175.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 28/10/2014 đến ngày 28/10/2016 là 24 tháng, với lãi suất là 1%/tháng). Tổng cộng bà H phải trả cho tôi số tiền 104.240.600 đồng. Tại phiên Tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả lại tiền đã mượn là 84.065.000 đồng.

- Bà Võ Thị Thu H trình bày: Tôi có tham gia mua ba bảo hiểm của công ty Dai-ichilife do ông Nguyễn Hoàng T là đại lý, bán hợp đồng: Hạ Mỹ L, sinh năm 1990, hợp đồng mệnh giá 20.000.000 đồng; Võ Thị Thu H, sinh năm 1964, hợp đồng mệnh giá 15.100.000 đồng; Hạ Hồng P, sinh năm 1994, hợp đồng mệnh giá 8.500.000 đồng. Sau đó khoảng 17 ngày tôi có hủy hai hợp đồng của Mỹ L và Thu H (20.000.000đ + 15.000.000đ) trừ 35.100.000 đồng còn lại Hợp đồng của Hồng P 8.500.000 đồng. Tiếp theo có người bạn nhờ tôi tham gia hợp đồng tên Phan Văn B mệnh giá 30.000.000 đồng, cùng tên Nguyễn Thị C mệnh giá 10.500.000 đồng. Như vậy chỉ còn tham gia ba hợp đồng: Hạ Hồng P mệnh giá 8.500.000 đồng (đã đóng phí nguyên năm); Phan Văn B mệnh giá 30.000.000 đồng; Nguyễn Thị C mệnh giá 10.500.000 đồng. Tổng cộng là 49.100.000 đồng. Phần còn lại của B và C thì tôi bàn giao cho ông T để thu tiền của hai người này (ông T có làm biên nhận ngày 19/11/2014). Như vậy, phần hợp đồng của B và C, thì ông T có trách nhiệm thu tiền; phần hợp đồng của Hồng P 8.500.000 đồng, nhưng tôi đã đóng tiền cho ông T số tiền 11.600.000 đồng, tôi còn dư 2.900.000đ, ông T phải trả cho tôi; ông T có nhận tôi một chiếc nhẫn vàng 18kara lúc nhận vàng có bà Nguyễn Thị C.

Tôi chỉ có mua bán bảo hiểm với ông T, còn biên nhận ngày 16/10/2014 tôi không biết, chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 16/10/2014 không phải là chữ ký và chữ viết của tôi. Tôi không đồng ý trả số tiền trên cho ông Nguyễn Hoàng T.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự kể từ

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nên không có ý kiến gì; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án; vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Ngày 16/10/2014, ông T có cho bà H mượn số tiền 84.065.000 đồng, có làm biên nhận và có sự chứng kiến của ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị C, hẹn đến ngày 28/10/2014 trả. Đến hẹn bà H không trả. Ngày 28 tháng 10 năm 2016, ông T khởi kiện yêu cầu bà H trả 104.240.000 đồng, trong đó 84.065.000 đồng tiền gốc và 20.175.000 đồng tiền lãi của 24 tháng, lãi suất 1% tính từ ngày 28/10/2014 đến 28/10/2016. Bà H trình bày vào khoảng cuối năm 2014 bà có ký năm hợp đồng bảo hiểm Ichilife với ông T, những người đứng tên bảo hiểm gồm: Võ Thị Thu H, Hạ Mỹ L, Hạ Hồng P, Phan Văn B, Nguyễn Thị C; sau đó bà đã hủy hai hợp đồng của H và L, bàn giao hợp đồng của ông B, bà C cho ông T thu tiền, bà chỉ giữ lại hợp đồng của Hạ Hồng P, mức đóng mỗi năm là 8.500.000 đồng, bà đóng được hai năm thì hủy hợp đồng. Do bà đơn phương nên đã mất tiền đã đóng, không phải bồi thường gì cho công ty bảo hiểm. Bà không có mượn tiền của ông T, bà không biết biên nhận ngày 16/10/2014, chữ ký và chữ viết tên trong biên nhận không phải của bà. Do đó, bà không đồng ý trả tiền cho ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 23/11/2017 bà H làm đơn phản tố yêu cầu ông T trả cho bà số tiền 2.900.000đ và 1 chiếc nhẫn vàng 18kara, trọng lượng 1,2 chỉ có gắn hột trắng trị giá chiếc nhẫn là 2.500.000đ. Theo kết quả giám định của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: chữ ký và chữ viết tên Võ Thị Thu H trong biên nhận ngày 16/10/2014 là của bà H, bà H không có khiếu nại kết quả giám định, cũng không yêu cầu giám định lại. Theo bà Nguyễn Thị C là người làm chứng khai rằng ông T có cho bà H mượn tiền tại nhà của bà, bà thấy ông T chỉ đưa cho bà H số tiền 74.065.000đồng, ông T còn nói ghi vào biên nhận 10 triệu đồng mượn, bà H đồng ý và không có phản ứng gì. Biên nhận ngày 16/10/2014 do ông T viết, chữ ký tên và chữ viết Võ Thị Thu H là do bà H ký và viết, bà có ký tên chứng kiến trong biên nhận. Tại phiên Tòa, phía nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu bà H trả tiền lãi; bà H rút toàn bộ yêu cầu phản tố đối với yêu cầu ông T trả cho bà số tiền 2.900.000 đồng và một chiếc nhẫn vàng 18kara trọng lượng 1,2 chỉ có gắn hột trắng trị giá 2.500.000 đồng. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà H không chứng minh được chữ viết và chữ ký tên trong biên nhận nợ ngày 16/10/2014 là không phải của bà; tuy nhiên theo kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, chữ viết và chữ ký tên Võ Thị Thu H trong biên nhận ngày 16/10/2014 là của bà H. Xét thấy, bà H mượn tiền của ông T, đến ngày hẹn nhưng không trả, ông T khởi kiện yêu cầu bà H trả lại số tiền đã mượn là có căn cứ nên chấp nhận. Việc nguyên đơn, bị

đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và toàn bộ yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật.

Do đó, căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bà H trả cho ông T số tiền 84.065.000 đồng; đề nghị Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng T về việc yêu cầu bà Võ Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền, của khoản tiền theo biên nhận ngày 16/10/2014 là 84.065.000 đồng và tiền lãi là 20.175.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 28/10/2014 đến ngày 28/10/2016 là 24 tháng, với lãi suất là 1%/tháng). Tổng cộng bà H phải trả cho ông T số tiền 104.240.600 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Theo lời trình bày của ông Phan Văn C (người được ông Nguyễn Hoàng T ủy quyền), ông T có cho bà H vay hai lần, cụ thể: Lần thứ nhất ông T cho bà H vay 10 triệu đồng, số tiền này ông đưa cho bà H tại thị trấn Mỹ An (không làm biên nhận); lần thứ hai cho bà H vay 74.065.000 đồng tại nhà của bà Nguyễn Thị C tại ấp 5, xã TT, huyện TT, tỉnh Long An, cộng thêm 10 triệu vay lần nhất nên làm biên nhận tổng ngày 16/10/2014 là 84.065.000 đồng, biên nhận này ông T là người viết biên nhận, bà H là người nhận tiền, chữ ký và chữ viết do bà H ký tên và viết ra.

[3] Còn bà H thì cho rằng, biên nhận ngày 16/10/2014 bà không biết và bà không có mượn tiền của Nguyễn Hoàng T số tiền 84.065.000 đồng và bà không có nhận tiền của ông T tại nhà của bà Nguyễn Thị C; bà H còn trình bày là bà không có mượn số tiền 10 triệu đồng của ông Nguyễn Hoàng T tại thị trấn Mỹ An; cho nên, việc ông T khởi kiện bà yêu cầu bà trả số tiền 84.065.000 đồng bà không đồng ý; lý do bà cho rằng bà không có nhận tiền và chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 16/10/2014 không phải là của bà.

Ngoài ra, bà H còn trình bày, bà có tham gia mua ba bảo hiểm của công ty Dai-ichilife do ông Nguyễn Hoàng T là đại lý, bán hợp đồng: Hạ Mỹ L, sinh năm 1990, hợp đồng mệnh giá 20.000.000 đồng; Võ Thị Thu H, sinh năm 1964, hợp đồng mệnh giá 15.100.000 đồng; Hạ Hồng P, sinh năm 1994, hợp đồng mệnh giá 8.500.000 đồng. Sau đó khoảng 17 ngày bà có hủy hai hợp đồng của Mỹ L và Thu H (20.000.000đ + 15.000.000đ) trừ 35.100.000 đồng còn lại Hợp đồng của Hồng P 8.500.000 đồng; bà có người bạn nhờ tham gia hợp đồng tên

Phan Văn B mệnh giá 30.000.000 đồng, cùng tên Nguyễn Thị C mệnh giá 10.500.000 đồng; hợp đồng của ông B và chị C bà đã chuyển cho cho ông T thu tiền bảo hiểm; còn hợp đồng của hợp đồng của Hạ Hồng P, bà H đóng được hai năm thì hủy hợp đồng, bà đã đóng tiền bảo hiểm cho hợp đồng của Hạ Hồng P được 8.500.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Thu H có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T trả tiền đóng bảo hiểm dư là 2.900.000 đồng và một chiếc nhẫn vàng 18kara, trọng lượng 1,2 chỉ, trị giá chiếc nhẫn 2.500.000 đồng, mà ông T đã mượn bà rồi không trả lại cho bà.

[4] Qua lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ. Bởi lẽ, Ông T khai là ông có cho bà Võ Thị Thu H vay hai lần: Lần thứ nhất vay 10.000.000 đồng không có làm biên nhận; lần thứ hai vay 74.065.000 đồng, có làm biên nhận của hai khoản vay ngày 16/10/2014 là 84.065.000 đồng, biên nhận ngày 16/10/2014 do ông T viết, viết tại nhà của bà Nguyễn Thị C, tại ấp 5, xã TT, huyện TT, tỉnh Long An; bà C là người chứng kiến bà H nhận tiền từ ông T và chứng kiến bà H ký tên và viết họ và tên trong biên nhận ngày 16/10/2014. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa bà H cho rằng, bà không có ký tên và viết họ tên trong biên nhận ngày 16/10/2014 và bà không có nhận tiền từ ông T, nhưng bà không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, theo Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an tại Hà Nội kết luận, thì chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 16/10/2014 là của bà Võ Thị Thu H ký và viết ra.

[5] Hội đồng xét xử, xét thấy lời khai của ông Nguyễn Hoàng T là có căn cứ và ông cũng đã có chứng cứ để chứng minh cho sự trình bày của mình như đã phân tích trên. Mặc dù, bà H tại các biên bản hòa giải và tại phiên Tòa bà khẳng định các hợp đồng bảo hiểm mà bà tham gia bảo hiểm tại công ty bảo hiểm Ichilife của ông T và khoản tiền của biên nhận ngày 16/10/2014 là hai vấn đề độc lập nhau và không có liên quan đến nhau giữa tiền bảo hiểm và tiền vay mượn của ông T theo biên nhận ngày 16/10/2014, nhưng bà H không có chứng cứ gì để chứng minh cho biên nhận ngày 16/10/2014 là bà không nhận tiền, không ký tên và viết họ và tên Võ Thị Thu H.

[6] Mặt khác, tại phiên Tòa bà Võ Thị Thu H đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T trả cho bà số tiền 2.900.000 đồng và một chiếc nhẫn vàng 18kara trọng lượng 1,2 chỉ có găng hột trắng trị giá 2.500.000 đồng; nguyên đơn cũng rút một phần khởi kiện là không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bà Võ Thị Thu H trả lại số tiền vốn đã mượn là 84.065.000 đồng.

[7] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng T, buộc bà Võ Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền

84.065.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút đối với phần lãi và đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Thu H do bà H rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

[8] Do yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng T được chấp nhận, nên bà Võ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định tại Điều 147, Điều 161, Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166, 468 của Bộ luật dân sự, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T.
- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T
- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Thu H

Buộc bà Võ Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền 84.065.000 đồng (Tám mươi bốn triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Hoàng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền 2.606.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 07113 ngày 23/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

+ Bà Võ Thị Thu H phải chịu 4.203.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng là 135.000 đồng theo biên lai số 01678 ngày 30/11/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Võ Thị Thu H còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 4.068.000 đồng

- Về chi phí giám định: Bà Võ Thị Thu H phải chịu chi phí giám định với số tiền là 5.072.000 đồng, nhưng do ông Nguyễn Hoàng T đã nộp tạm ứng và đã chi xong, nên bà Võ Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền 5.072.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Huyện;
- THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (Trang)

(Đã ký tên đóng dấu)

Lê Văn Ngọc